

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST

Ngày: 14-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bình

*Thẩm phán:* Ông Vũ Hoàng Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Mãi

Ông Vũ Đình Tứ

Bà Nguyễn Thị Linh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:***  
Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

**Võ Thế S**, sinh năm 1994; tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Võ Nhật Q (Vũ Nhật Q), sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ là Đào Thị Diệu P và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***\* Người bào chữa cho bị cáo:***

Luật sư Trần Thị N – Văn phòng luật sư T– Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

***\* Bị hại:***

Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 84, đường L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Tri B, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: Khu phố P1, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
2. Ông Vũ (Võ) Nhật Q, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước
3. Chị Đào Thị Diệu P, sinh năm 1994 (có mặt)  
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước
4. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt)  
Trú tại: Khu phố P2, phường T2, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
5. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T3, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án đ ợc tóm tắt như sau:

Xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **017.063** do Phòng Cảnh sát giao thông (CSGT) Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2018 mang tên Võ Thế S. Trong quá trình quản lý, sử dụng S đã làm thất lạc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên nên S đã làm đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 11/02/2019 và S được Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mới số **024.376**. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mới thì S tìm lại được Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này không còn giá trị sử dụng) nên lúc này S đồng thời quản lý, sử dụng luôn 02 Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô trên.

Ngày 06/4/2019, Võ Thế S điện thoại hỏi anh Nguyễn Tri B là chủ tiệm cầm đồ B đề vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) thì được anh B đồng ý nhưng với điều kiện phải có tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay, thỏa thuận lãi suất là 1.500đồng/01 triệu đồng/ngày (tương đương 4,5%/tháng. Lúc này S dùng xe ô tô biển số 93A-108.72 của S thế chấp cho anh B, đồng thời B yêu cầu S phải lập Hợp đồng mua bán xe, khi nào trả đủ tiền sẽ cho S chuộc lại xe nên cùng ngày (06/4/2019) S và ông B đã đến Văn phòng công chứng Bình Phước để lập Hợp đồng mua bán xe. Tại đây, S đã dùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ số **017.063** (không còn giá trị sử dụng) để lập hợp đồng mua bán xe với B. Sau khi ký xong Hợp đồng mua bán xe, người ký bên bán là S và vợ S là Đào Thị Diệu P thì S đến gặp vợ của anh B là chị Ngô Thị Kim D để nhận tiền và chị D có viết 01 biên lai cầm đồ (hiện nay S đã làm mất) đưa cho S. Cùng ngày, B mang thủ tục mua bán xe lên Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu B thì bị từ chối do dùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ, không còn giá trị sử dụng, lúc này B thông báo cho S biết sự việc trên và yêu cầu S mang Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mới số 024.376 (đang có giá trị sử dụng) để ký lại Hợp đồng mua bán xe. Đến sáng ngày 08/4/2019, vợ chồng S và B tiếp tục đến Văn phòng công chứng Bình Phước ký lại Hợp đồng mua bán xe ô tô với Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô mới số 024.376 đang còn giá trị sử dụng và hủy Hợp đồng mua bán xe vào ngày 06/4/2019. Sau khi ký xong hợp đồng, anh B đã trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ số **017.063** cho S và làm Hợp đồng cho S thuê lại xe trong thời hạn 01 tháng, đồng thời B tiếp tục đến Phòng CSGT Công an tỉnh Bình Phước để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu (BL 107 - 109, 113, 153 – 157).

Chiều cùng ngày 08/4/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân và để trả các khoản nợ mà trước đó S đã vay của H và Q (không rõ họ tên, địa chỉ), S điện thoại cho anh Nguyễn Đức L để hỏi vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) thì được L đồng ý nhưng với điều kiện phải có tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay. Lúc này S lợi dụng việc mình đang quản lý Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ số **017.063** không còn giá trị sử dụng nên đã đưa cho L xem nhằm chứng minh với L mình đang là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô Mazda CX5, biển số 93A-108.72, xe chưa được cầm cố, thế chấp cho người khác. Tin tưởng xe ô tô thuộc quyền sở hữu của S nên anh L đã đồng ý cho S vay 500.000.000 đồng. Do trước đó khoảng tháng 3/2019, S có thế chấp cho L 01 xe mô tô hiệu Yaz, biển số: 93P2 – 333.33 để vay số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) nên cả hai thống nhất viết thành giấy nợ chung là 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1.500đồng/01 triệu đồng/ngày (tương đương 4,5%/tháng). Khi S đến nhà anh L nhận tiền, anh L yêu cầu S phải làm Hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô để đảm bảo khoản vay này, sau đó S điện thoại cho P (lúc này P đang nuôi con nhỏ, không ở chung với S mà ở cùng với mẹ ruột của P ở xã T, thành phố Đ) nói chiều lên Phòng công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước ký hợp đồng vay tiền (S không nói cho P biết là ký hợp đồng bán xe cho L) thì P đồng ý. Đến chiều cùng ngày (08/4/2019) vợ chồng S và anh L đã đến Phòng công chứng số 1 ký hợp đồng bán xe cho L, Hợp đồng số: 1756 ngày 08/4/2020. Ngày 09/4/2020, anh L yêu cầu vợ chồng S ký hợp đồng thuê lại xe ô tô. Sau khi nhận tiền của L, S chỉ trả lãi cho L được 02 tháng, mỗi tháng là 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng) rồi ngưng không trả tiền cho anh L. Đến hạn trả nợ không thấy S đến trả, điện thoại cho S cũng không liên lạc được và qua tìm hiểu thì biết mình đã bị S lừa dối, xe ô tô S cầm cố, bán cho mình đã được S cầm cố, bán cho anh B để đảm bảo khoản vay trước đó nên L đã làm đơn tố giác gửi Công an tỉnh Bình Phước tố giác hành vi lừa đảo của S.

Đối với xe ô tô nêu trên, đến hạn trả lãi không thấy S trả và tắt máy điện thoại không liên lạc được nên B đi tìm thì thấy xe đang ở nhà ông Vũ Nhật Q (là cha ruột của S, việc ông Q mang họ Vũ là do sai sót khi làm thủ tục giấy tờ cá nhân). Anh B nói sự việc cho ông Q biết và đề nghị muốn chuộc xe thì phải trả cho B 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) mà S đã vay của B trước đó, nếu không B sẽ lấy lại xe. Do không có tiền chuộc xe nên ông Q và B thống nhất thỏa thuận giá trị xe là 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng), anh B đưa thêm cho ông Q 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) để lấy xe ô tô trên về. (BL 84, 106 -107, 148 -149).

Tổng số tiền bị can Võ Thế S chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Đức L là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Tại kết luận giám định số: 69/2019/GĐĐV ngày 08/11/2019 và số: 63BGĐ-TL ngày 29/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Dấu vân tay ghi tên Võ Thế S trên các tài liệu giám định gồm: Hợp đồng mua bán xe có số công chứng 4403 ngày 06/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán xe có số công chứng 4446 ngày 08/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, Hợp đồng mua bán xe có số công chứng 4447 ngày 08/4/2019 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, Hợp đồng mua bán xe có số công chứng 1756 ngày 08/4/2019 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước và Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 29/7/2019 là của cùng một người (BL 305-306);

- Chữ ký, chữ viết họ tên Võ Thế S trên các tài liệu giám định nêu trên so với chữ ký, chữ viết đứng tên Võ Thế S trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M5 do cùng một người ký ra, viết ra (BL 304).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã thu giữ các đồ vật, tài liệu như sau:

- Ngày 14/10/2019 và ngày 23/10/2019, bị hại Nguyễn Đức L đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước các tài liệu là bản gốc, gồm:

- + Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-10872, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 1756 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Đức L (BL 97-100);

- + Hợp đồng cho thuê xe tự lái có ghi ngày 09/4/2019, bên thuê: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P với bên cho thuê: Nguyễn Đức Li (BL 101);

- + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 017063, do Phòng Cảnh sát giao thông (CSGT) Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2018;

- + Hợp đồng cho cá nhân vay tiền có ghi ngày 29/7/2019, bên vay: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P, bên cho vay: Nguyễn Đức L (BL 103).

- Ngày 15/10/2019, ông Nguyễn Tri B đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước các tài liệu là bản gốc, gồm:

- + Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 06/4/2019, số công chứng 4403 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 114-116);

- + Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4446 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 117-118);

- + Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4447 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 119-121);

- + Hợp đồng thuê xe (không đề ngày, tháng, năm), bên thuê: Võ Thế S, bên cho thuê: Nguyễn Tri B.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 08/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố: Bị cáo Võ Thế S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và sau khi phân tích tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Võ Thế S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 50 và 54 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Võ Thế S từ 09 năm đến 10 năm tù;

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thế S:

Bị cáo Sang có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Sang dưới khung hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố.

Bị cáo Võ Thế S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được xét hỏi công khai tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác, vào ngày 08/4/2019, Võ Thế S đã có hành vi, thủ đoạn gian dối, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cũ số 017063 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2018 đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72 đã không còn giá trị sử dụng và xe ô tô cũng đã được chuyển nhượng cho người khác để lừa dối anh Nguyễn Đức L, thế chấp cho anh L để anh L tin tưởng và cho vay số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ anh L, S chỉ trả cho anh L được 02 tháng tiền lãi thì ngưng không trả

tiếp và cắt đứt liên lạc với anh L. Bị cáo S nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện và chiếm đoạt số tiền này của anh L để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi của S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo S đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Đức L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản có giá trị lớn của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc thực hiện hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại L là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật, do vậy hành vi của bị cáo cần được xét xử bằng một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, vợ không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng (được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba). Bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại Nguyễn Đức L cũng đã có đơn bãi nại và đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Sang đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Đức L số tiền 500.000.000 đồng. Bị hại anh L không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án gồm:

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-10872, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 1756 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Đức L (BL 97-100);

+ Hợp đồng cho thuê xe tự lái có ghi ngày 09/4/2019, bên thuê: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P với bên cho thuê: Nguyễn Đức L (BL 101);

+ Hợp đồng cho cá nhân vay tiền có nghị ngày 29/7/2019, bên vay: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P, bên cho vay: Nguyễn Đức L (BL 103).

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 06/4/2019, số công chứng 4403 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 114-116);

+ Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4446 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 117-118);

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4447 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 119-121);

+ Hợp đồng thuê xe (không đề ngày, tháng, năm), bên thuê: Võ Thế S, bên cho thuê: Nguyễn Tri B.

Đây là những tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 017063 do Phòng Cảnh sát giao thông (CSGT) Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2018 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với Đào Thị Diệu P, quá trình điều tra không chứng minh được P có bàn bạc cùng S thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Đức L. Mặt khác, giấy tờ mà S dùng để đưa cho L tin tưởng nhận cầm cố xe ô tô của S để cho vay tiền là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017063 không còn giá trị và tội phạm đã hoàn thành. Việc P ký tên vào Hợp đồng vay tiền là để hoàn tất thủ tục S vay tiền của L, khi ký P không biết được hành vi gian dối của S nên đã đồng ý ký tên, đồng thời bản thân P cũng không được hưởng lợi từ việc cầm cố xe của S nên hành vi trên của P không có dấu hiệu của tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với anh Nguyễn Thanh H, có hành vi thế chấp xe ô tô biển số: 93A – 150.32 để giúp S mượn giấy đăng ký xe ô tô số: 017.063 từ L. Do anh H không biết xe ô tô biển số: 93A-108.72 có 02 Giấy chứng nhận đăng ký trước đó đã bán cho anh Nguyễn Tri B và sau đó tiếp tục bán cho anh Nguyễn Đức L nên hành vi trên của anh H không có dấu hiệu của tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với việc Nguyễn Tri B và anh Nguyễn Đức L có hành vi cho Võ Thế S vay tiền với lãi suất cao. Ngày 18/5/2019, Cơ quan điều tra đã có Công văn số: 853b/VPCQCSĐT đề nghị Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo S tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.  
Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **Võ Thế S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Võ Thế S** 08 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 11/01/2020.

[2] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm:

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-10872, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 1756 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Đức L (BL 97-100);

+ Hợp đồng cho thuê xe tự lái có ghi ngày 09/4/2019, bên thuê: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P với bên cho thuê: Nguyễn Đức L (BL 101);

+ Hợp đồng cho cá nhân vay tiền có ghi ngày 29/7/2019, bên vay: Võ Thế S và Đào Thị Diệu P, bên cho vay: Nguyễn Đức L (BL 103).

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 06/4/2019, số công chứng 4403 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 114-116);

+ Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4446 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 117-118);

+ Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển số 93A-108.72, ghi ngày 08/4/2019, số công chứng 4447 tại Văn phòng Công chứng Bình Phước, bên bán Võ Thế S, Đào Thị Diệu P với bên mua là Nguyễn Tri B (BL 119-121);

+ Hợp đồng thuê xe (không đề ngày, tháng, năm), bên thuê: Võ Thế S, bên cho thuê: Nguyễn Tri B.

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 017063 do Phòng Cảnh sát giao thông (CSGT) Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/01/2018.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thế S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

[4] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người



có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC, VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- LS bào chữa; (1)
- CQĐT, PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (2)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP, Lưu hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Văn Bình**